

Tôi dụi mắt ngắm kỹ một lần chót nữa. Quả nhiên, cũng như cảnh tượng vừa hiện ra lúc tôi mới đến, tất cả sự vật chung quanh tôi cứ tựa hồ chứa đầy một vẻ bí mật thiêng liêng rùng rợn, một vẻ bí mật mà hình ảnh rõ rệt tôi được mục kích càng làm cho dữ dội, nặng nề.

Hiện trạng đương phô bày trên mái đối kia, trước mắt tôi không xa mấy, dưới ánh nắng vàng đỏ của buổi chiều tà, hiện trạng đó có quả thực là một hiện trạng hay không, hay chỉ là một hình ảnh mơ hồ mà đôi mắt quáng của tôi lầm tưởng là một bức tranh kỳ quặc? Tôi phân vân không biết tự đáp thế nào. Ngắm đi ngắm lại, nhìn rồi lại dụi mắt, dụi mắt xong lại nhìn, tôi hết sức kinh nghiệm cho chắc chắn, chí kỳ mỗi ngờ vực của tôi thành hẳn ra ngờ vực, hoặc biến ra một tín ngưỡng sâu xa. Nhưng, ... có lẽ nó hóa ra tín ngưỡng mất!

Vì, chỉ cách tôi bảy tám cột đèn, nghĩa là non hai trăm thước, giữa ban ngày, sự lạ lùng hiện ra cho tôi trông thấy vẫn không hề biến đi, mà cũng không thay đổi. Sự ấy thực là một kỳ quan độc nhất vô nhị, một sự tối vô lý mà mình phải tin là thật, nhưng cũng có khi ngờ là giả dối, mơ hồ. Cứ lấy con mắt hết sức chú ý nhìn, thì sự đó vẫn không trốn tránh tính tò mò hiếu sự của ta; song, hễ khi nào ta dùng đến một vật gì để đi gần lại trường hoạt động của nó, thì nó biến vụt ngay như làn khói bị gió lùa. Hoặc ta tìm cách đi lại gần chân đồi, còn độ hai ba cột đèn sẽ tới nơi, trông lên không thấy gì nữa cả; hoặc ta đưa lên mắt một cặp ống nhòm để phóng đại trường quan sát, phong cảnh càng to ra bao nhiêu thì hình ảnh ta muốn thấy mờ ám đi bấy nhiêu, có khi hóa thành trong vắt như kính, nghĩa là không có hình sắc nữa.

Bằng cứ chịu khó đứng xa xa mà ngắm nhìn, thì đầu ngắm đến chán mắt, sự kỳ quặc kia cũng vẫn hiện ra cho mình trông thấy, hiện ra một cách nửa rõ rệt, nửa mơ hồ, lạ lùng khó tả quá! Nhưng không phải ngày nào, giờ nào, bất cứ lúc nào, ta cũng có hạnh phúc được nhìn nó. Nó chỉ thoát khỏi cõi âm trở về cõi dương một năm có vài kỳ, mỗi lần sự biến thiên của khí hậu gọi cho nó nổi nhớ tiếc thời oanh liệt thừa xưa.

Sự biến thiên đó họa hoàn mới xảy ra; ấy là một điều tối không may cho khách tò mò hiếu sự. Như tôi chả hạn. Tôi đã phải dằn lòng gắng sức đợi đến ngót tháng trời để được trông thấy hình bóng tôi muốn thấy; nào phải đâu là sự dễ dàng!

Cảnh tượng dị kỳ tôi đã được mục kích, nó là hai con ma, hai cái oan hồn uất ức của hai kẻ chịu tử hình, lâu ngày không tiêu đi được nên tụ lại thành bóng, hấp thụ mãi khí thiêng liêng của trời đất, nên mỗi khi bị hoàn cảnh xúc động đến là hiện được lên ngay, hiện lên để diễn lại một tấn trò mà xưa kia, hai oan hồn đó thường diễn những giờ cao hứng.

Phàm giả người ta, trong buổi sinh bình, có một thú gì mình yêu nhất, mê nhất, một thú gì làm then chốt cho tất cả bao nhiêu tính tình dự vọng của mình, một thú gì mình đã biết hưởng và đã đặt trên tất cả những khoái lạc của cuộc đời, thì nhiều lúc, sau khi đã lìa bỏ cõi tục rồi, vẫn còn nhớ tiếc đến thú ấy luôn luôn, chỉ ngong ngóng chờ có dịp hưởng lại là chộp lấy ngay, không bỏ sót.

Cũng bởi cơ đó nên một khi thi nhân đã chết, hồn thi nhân còn muốn ngâm thơ; một khi nhạc công đã chết, hồn nhạc công còn muốn gảy đàn. Câu thơ của Đường Vương Bột văng vẳng trên dòng sông Lạc, điệu đàn của Sư Quyên véo von trên

mặt sông Bộc, đó chẳng phải là chúng có rõ ràng cho thuyết ấy sao?

Mà nhất là khi kẻ bị thác lại là người mệnh bạc, vì nghiệt tướng mà chết oan, chết yếu, bất đắc kỳ tử hay bị nhục hình, thì một điểm linh hồn bay phiêu phiêu trong gấm non nước không tài nào siêu linh tịnh độ được, cứ mập mờ khi tan khi tụ, bơ vơ trôi dạt, không đâu là bến là bờ. Điểm linh hồn đó vẫn còn nhớ rõ rệt cuộc sinh hoạt mình vừa trải, vẫn còn đầy dục vọng và tình cảm, nhưng chỉ vì không có xác vật chất nên khó lòng diễn được dục vọng và tình cảm đó mà thôi. Nhiều linh hồn còn muốn sống thêm nữa trên cõi thế, bởi chưa dứt hẳn trần duyên, còn muốn vẫy vùng nữa, ganh đua nữa cùng người đời, cùng tranh đấu cho tới cùng. Có linh hồn thì một khi thác bỗng tỉnh ngộ ra, bay lên một gấm thiêng liêng cao sạch để ngao du, tĩnh dưỡng. Những linh hồn đó không mấy khi trở lại nữa, một đi, chẳng trở về. Còn như các linh hồn bị nghiệt duyên dục vọng buộc chặt với cuộc sinh hoạt của loài người, thì chúng thường thường bay vẫn vơ quanh quẩn bên mình ta, trông ta một cách ham muốn thèm thuồng, chỉ đợi có dịp tốt là trở về sống chung lại với ta, dẫu rằng trong một phút.

Đó là những chúng sinh.

Mỗi khi có đàn tràng cúng tế, là chúng lần mò cùng đến, để rồi cướp lộc cướp cơm; mỗi khi có kẻ ngồi đồng, hay có kẻ thần hồn bị suy nhược là chúng ám vào người để được cử động quay cuồng cho đắc ý. Lại những lúc có cuộc thi hội, thi hương, thì chúng tụ họp cả ở cửa trường, để đợi gọi đến thì ủa vào mà báo ân báo oán.

Nói ra không hết được; ta chỉ biết bởi có có nhiều âm hồn còn muốn sống nữa, nên có khi hay xảy ra những chuyện kỳ dị mà, nếu mắt ta không được quan sát, thì ta vội cho là hoang đường. Song le, nếu ta chịu lưu tâm suy xét đôi chút đến nhẽ huyền vi của máy âm dương, ta sẽ nhận thấy rõ là không có sự gì hoang đường cả. Trên đời chỉ hoàn toàn có sự thực mà thôi, cái gì có thể xảy ra được đều là thực cả.

Chỉ có một điều, là không phải ma nào, oan hồn nào cũng hiện lên được cả. Ma muốn hiện hình tất phải đủ tư cách, phải ở trong những trường hợp không bị ngăn trở mới biến hóa được. Tỉ như vàng muốn biến ra nước, tất phải nấu lên ngoài ngàn độ; sự biến từ thể nọ sang thể kia có phải bất cứ trường hợp nào cũng xảy ra đâu?

Cho nên, ma có thể hiện hình được, trước hết cốt phải thiêng, mà muốn thiêng, thì theo như sự chúng ta cùng biết, phải có một vài điều kiện. Một là chết đúng giờ.

Hai là chết trẻ, mà chết một cách thê thảm dữ dội. Ba là chết oan. Bốn là được chôn ở chỗ đất có mạch. Năm là phải hấp thụ được khí thiêng của trời đất.

Phi mấy điều kiện ấy, thì chỉ là một mảnh hồn yếu ớt, phát phưởng, khi tán khi tụ, bay là là vô định trong gấm vô định mà thôi. Mà có được cả mấy điều kiện vừa kể, cũng phải tùy từng buổi, từng chỗ, từng thời, mới hiện lên được.

Ngày xưa, lúc văn minh Âu Mỹ chưa tràn sang bên cõi Á Đông, lúc máy móc chưa rầm rộ chạy dưới gấm trời này, thì các chốn thị thành không đông đúc lắm, các đường sá không mở mang nhiều, những chốn hoang vu lạnh lẽo nhiều hơn những chốn phồn thịnh, mà sự tối tăm cũng lâu hơn sự sáng sủa vì đêm không có đèn điện rọi đường; bởi thế nên trong một hoàn cảnh lặng lẽ đìu hiu, khí âm tràn ngập cả non sông mà phủ trên cuộc sinh hoạt của loài người, khiến dương khí không có thể hưng thịnh lên được.

Nhưng, sau một cuộc suy vong, khí dương lại dần dần hăng hái, nó từ cõi Âu Tây tràn sang Đông Á, khiến cho các sự vật thay đổi cả. Máy móc ngày nào cũng rầm rộ, xe pháo ngày nào cũng xôn xao, đêm thì đèn sáng như ngày, ngày thì âm âm như chợ, lúc nào cũng có kèn có trống, có âm nhạc hùng hồn; mà người thì, bị hoàn cảnh dun dủi, cũng ưa múa

may quay cuồng, hoạt động cạnh tranh, hơn là nhàn cư mà tĩnh dưỡng.

Cuộc sống ồn ào đã đánh tan âm khí, ma thiêng phải bạt đi xa. Những linh hồn, dù mạnh mẽ đến đâu, cũng khó lòng hiện lên được, vì khí dương mạnh quá. Có lẽ các ma thiêng đều chạy cả về những chốn đồng rừng xa vắng, ở lẫn lút trên đồi, trên ai, không còn hy vọng gì phảng phất ở những đô thành.

Chả bù với thời thái bình êm ái thừa xưa: đâu đâu âm khí cũng đều vượng cả, muốn rong chơi chỗ nào cũng được, không bị một mãnh lực gì ra ngăn cản, đánh tan đi. Thừa đó, người âm phủ với người dương gian nào có xa nhau mấy: ông Bồ đã vì sự người với ma hay chung chạ mà viết nên pho truyện Liêu Trai. Đến thời nay, Liêu Trai đã hóa ra một cuốn truyện hoang đường vô lý! Cho hay ma cũng có thời!

Tôi có nhẽ còn được nhiều hạnh phúc hơn Bồ tiên sinh là tôi đã được thấy ma hiện hình giữa ban ngày, trong thời đại bây giờ, lại ở một nơi không cách xa đô thành phồn nhiệt mấy. Đó thực là một sự lạ; và, cũng vì sự lạ đó, tôi mới chép nên câu chuyện này, khiến các bạn cũng được như tôi, thưởng thức một chuyện thần linh, gọi là những lúc thanh nhàn, quên được cuộc vật lộn quay cuồng mà ngày ngày ta phải dẫn thân vào để kiếm cách mưu y mưu thực.

Thì đây, câu chuyện thần linh.

* * *

Hôm đó, cách đây chừng khoảng hai năm, tôi đi về vùng Nam Định, xuống ga Gôi, vào thăm một người bạn cũ.

Lâu ngày mới được gặp nhau, bạn tôi mừng lắm, vội vàng sai vợ con đi giết gà mổ vịt, lại cho người ra chợ đón mua những thứ quà ngon. Tôi được thấy bạn cũng mừng, hai anh em ngồi uống trà đàm đạo mãi cho tới chiều, không biết mệt.

Lúc ấy, vào khoảng bốn giờ chiều. Trời tháng cuối hạ, nóng nực lắm, tuy sắp sang thu mà cũng vẫn oi ả. Tôi đến lúc một giờ chiều, ngồi hàn huyên với bạn đã ba giờ có lẻ. Lúc tôi đến, trời nắng chang chang như lửa đốt, nhưng khi vào nhà bạn được hơn một tiếng đồng hồ thì trời bỗng đâu sa sấm mặt lại; mây đen bốn bề rầm rộ kéo đến, rồi sấm chớp nối tiếp nhau xé toạc quãng không gian bằng những tiếng nổ ầm ầm và những luồng quang tuyến sáng xanh chói lọi. Sau cuộc thị uy thị hùng ấy, mưa ở lưng chừng tưới xuống trần ai như thác chảy, nhưng chỉ trong khoảng nửa giờ lại tạnh ráo ngay. Mây đen, tụ lại ít lâu, cũng theo chiều gió tan đi hết cả. Trời lúc này bị vẫn ám, bây giờ quang đặng như không, vài tiếng sấm cuối mùa thỉnh thoảng nổi dậy, nhưng chậm rãi uể oải, không có vẻ hùng tráng như khi mưa chưa rõ giọt.

Mặt trời, khỏi bị che kín sau bức màn mây tối, lại vui vẻ tia ra những luồng ánh sáng đỏ rực và gay gắt; hình như sau mỗi trận mưa rào, thì ánh nắng càng nồng càng đượm; để cỏ cây mau chóng được khô ráo nhẹ nhàng. Mưa xuống nắng lên là một sự rất thường trong thời tiết, nhưng sự đó không mấy khi xảy ra trong các mùa êm dịu như xuân thu, và trong vụ mấy tháng mùa đông rét muốt. Nó chỉ thường xảy ra giữa mùa hạ, là một mùa hay có giông tố thất thường.

Mỗi một lần mưa xuống nắng lên, thì khí đất lại ngùn ngụt bốc cao khỏi đầu ngọn cỏ, hơi thở của Tạo vật lại nặng nề bức bối, mà khí hậu thì hóa ra độc địa vô cùng.

Những buổi trái trời trái đất ấy, ngoài sự làm cho khí hậu hóa nên ám chướng, có lẽ còn có một mãnh lực gì u ẩn, huyền bí, xúc động cả các âm hồn. Người ta thường nghiệm ra rằng, sau một cơn bão, khí trời ở chốn thôn quê có mùi khen khét, khiến nhiều kẻ tưởng lầm là sét đốt cháy một vùng nào. Sự thực chỉ là, dưới sức mạnh âm ỉ của các luồng điện nhấp nháy trong không gian, dưỡng khí tự đặc lại mà gây nên mùi khét. Sự tự đặc ấy vô hình, ta chỉ nhận thấy ảnh hưởng của nó mà thôi; nếu không có nhà bác học thí nghiệm xét ra, có lẽ ta cũng cho là hoang đường.

Hoang đường là tất cả mọi sự mà loài người chưa tìm ra cội rễ căn nguyên vậy.

Sự tôi sắp nói ra đây, vì chưa dò xét được duyên cớ, nên cũng phải tạm liệt vào hoang đường. Ấy là sự thay đổi trong cõi huyền bí do sức các luồng điện trong không khí tạo nên. Âm hỗn làm bằng chất gì, ta không được rõ; ta chỉ biết nó vô hình ảnh, nó nhẹ nhàng phảng phất, đầm như hơi sương, thoảng như làn gió, nó tan đi hay tụ lại theo những luật riêng óc mình không thể xét đoán được. Nó cũng ví như những làn khói, những luồng điện trong vũ trụ vậy.

Những nhà phù thủy cao tay, những kẻ thôi miên thiện nghệ, phần nhiều đều luyện được một thứ mãnh lực tiềm tàng có thể sai khiến âm hỗn tan tụ, tỷ như nhà kỹ sư biết cách phát điện đi hay gom điện lại. Nếu ta cho âm khí là một thứ điện, thì ta sẽ nhận thấy rằng, mỗi khi mưa dầm gió bắc, mỗi khi trời đất nặng nề, mỗi khi có mưa xuống nắng lên, thứ điện đó thường hay tụ lại thành khối. Nó tựa như chịu ảnh hưởng mật thiết của các luồng điện trong không khí, mỗi khi có sấm sét thì bị rung chuyển, xúc động; rồi, khi sấm sét đã nguội, nó cũng đông lại, cũng đặc lại như dưỡng khí, để hiện ra thành bóng.

Vì tình cờ run rủi, tôi đã được chứng kiến sự âm hỗn hiển hiện, sau một trận mưa trong một ngày